

Nét đặc sắc trong phong trào Đồng khởi (1960) ở Bến Tre

Nguyễn Đình Thống

1. Sự chậm trễ trong chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

Từ năm 1954 đến trước khi ban hành Nghị quyết 15 (1-1959), Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chưa chỉ đạo đấu tranh vũ trang.

Năm 1956, Chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành tổ công diệt cộng đợt II khốc liệt trên quy mô toàn miền Nam. Nghị quyết số 70 ngày 18-6-1956 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng dự kiến 3 khả năng: a) “Có hiệp thương và tổng tuyển cử; b) Giằng co, kéo dài tình trạng chia cắt; c) Chiến tranh trở lại”. Tuy nhiên, Nghị quyết vẫn xác định:

“Tình chất cuộc vận động cách mạng của ta ở miền Nam là dân tộc và dân chủ. Nhiệm vụ cách mạng của ta ở miền Nam là phản đế phản phong...”

“Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Ngô Đình Diệm.

“Ở miền Nam ta phải nắm vững phương châm khéo công tác, khéo che giấu lực lượng,

khéo kết hợp với công tác hợp pháp, nửa hợp pháp với không hợp pháp, tranh thủ quần chúng, bám sát quần chúng để có thể bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, trường kỳ tồn tại”⁽¹⁾.

Theo tinh thần Nghị quyết số 70 (18-6-1956) của Bộ Chính trị, ngày 27-6-1956, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành chỉ thị về “Cuộc đấu tranh tiếp tục thi hành Hiệp định Genève, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình”, đề ra nhiệm vụ cụ thể: “Ở miền Nam chủ yếu vẫn là tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo tư tưởng. Tận dụng mọi hình thức hợp pháp để khéo léo kết hợp khẩu hiệu đòi hòa bình, thống nhất với khẩu hiệu đấu tranh kinh tế thiết thực hàng ngày...”⁽²⁾.

Tháng 9-1956, Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng tiếp tục khẳng định “đấu tranh thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình. Phương châm vẫn là giữ gìn và tích trữ lực lượng, đấu tranh bền bỉ và lâu dài, chống phiêu lưu mạo hiểm”⁽³⁾.

Cho đến thời điểm đó, Đảng bộ Nam bộ không nhận được chỉ đạo của Trung ương về vũ trang tự vệ. “Nhiều địa phương hành động theo hướng tự vệ có vũ trang đều bị

khiến trách hoặc thi hành kỷ luật”⁽⁴⁾.

Năm 1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng có điện mật gửi Xứ ủy Nam bộ phê phán khuynh hướng đấu tranh vũ trang, yêu cầu Xứ ủy theo dõi chỉ đạo cho đúng mức (...), đề phòng các địa phương dễ bị kích thích rồi phát triển và hoạt động bừa bãi(...). Việc trừ gian cần phải làm thận trọng đúng mức, đề phòng các địa phương chỉ biết lấy trừ gian làm biện pháp duy nhất để hạ uy thế địch nâng uy thế ta rồi làm bừa bãi, nhẹ thuyết phục tranh thủ, thiếu quan tâm đẩy mạnh quần chúng đấu tranh dân chủ xã hội...”⁽⁵⁾.

Hội nghị Trung ương lần thứ 14 ngày 27-11-1958, đánh giá lạc quan về tình hình thế giới, khẳng định khả năng giải quyết mọi tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình: “sự lớn mạnh về mọi mặt và chính sách trước sau như một kiên quyết bảo vệ hòa bình đã làm cho phe xã hội chủ nghĩa có thể đứng ở thế chủ động về chính trị mà đề ra việc giải quyết mọi vấn đề tranh chấp quốc tế bằng phương pháp thương lượng hòa bình. Có thể dùng chính trị để giải quyết tình hình căng thẳng trên thế giới, đó là một điểm đáng chú ý trong tình hình hiện nay”⁽⁶⁾.

Chủ trương chỉ đạo chiến lược của Trung ương Đảng

từ năm 1954 đến năm 1958, không thay đổi, mặc dù tình hình miền Nam đã liên tục diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho lực lượng cách mạng. Đánh giá về sự chậm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng đối với cách mạng miền Nam, Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị đã nhận định: “Trong một thời gian khá dài, từ năm 1955 đến 1958, khi cả miền Nam tràn ngập trong nước sôi lửa bỏng, Đảng ta đã chậm tìm ra phương pháp đấu tranh chuyển thế, để địch thẳng tay khủng bố, tàn sát, gây tổn thất không kể xiết cho nhân dân miền Nam, đưa cách mạng lâm vào tình trạng rất hiểm nghèo”⁽⁷⁾.

2. Đề cương cách mạng miền Nam và tư tưởng cách mạng bạo lực

Trong khi chấp hành nghiêm túc chỉ đạo của Đảng, Xứ ủy đã nhiều lần đề nghị Trung ương xem xét lại đường lối chỉ đạo cách mạng miền Nam. Tháng 8-1956, Xứ ủy gửi bản *Đề cương cách mạng miền Nam*, nhưng không được Trung ương chấp thuận.

Tháng 5-1957 Thường vụ Xứ ủy cử ủy viên Thường vụ Xứ ủy Phan Văn Đáng (Hai Văn), và Xứ ủy viên Phạm Văn Xô ra Hà Nội báo cáo tình hình và xin ý kiến về chuyển phương hướng đấu tranh. “Hai ông phải chờ đợi hơn một năm sau mới dự họp Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1-1959) bàn về cách mạng miền Nam”⁽⁸⁾.

Ngày 24-10-1957, Xứ ủy Nam bộ tiếp tục gửi điện đề nghị Trung ương cho phép đấu tranh vũ trang⁽⁹⁾.

Trong khi chờ ý kiến chỉ đạo của Trung ương, Xứ ủy đã triển khai đợt học tập *Đề*



Quang cảnh đêm Đồng khởi, năm 1960. Ảnh tư liệu

cương cách mạng miền Nam cho các Đảng bộ ở Nam bộ. “Đề cương cách mạng miền Nam” được Bi thư Xứ ủy Lê Duẩn chuẩn bị trong khoảng thời gian cuối năm 1955 ở Cà Mau và ở Bến Tre; hoàn thành giữa năm 1956 ở Sài Gòn. Tư tưởng cơ bản trong *Đề cương cách mạng miền Nam* là: để chống lại Mỹ - Diệm nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác⁽¹⁰⁾.

Đề cương cách mạng miền Nam được Bi thư Xứ ủy Lê Duẩn trình bày tại Hội nghị Xứ ủy Nam bộ họp tại Phnôm-Pênh (Campuchia) cuối năm 1956. Bản đề án vũ trang tuyên truyền cũng được đưa ra tại Hội nghị này nhưng không biểu quyết⁽¹¹⁾. Tuy nhiên, qua đợt triển khai, tinh thần chỉ đạo của đề cương đã thấm sâu trong tư tưởng cán bộ, đảng viên các cấp, trở thành “cẩm nang” trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trước khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết 15. Chính vì vậy mà ngay khi tiếp nhận Nghị

quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phong trào Đồng khởi nổ ra nhanh chóng, lan rộng và mạnh mẽ.

3. Nghị quyết 15 và ngọn cờ Đồng khởi Bến Tre

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15, xác định: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”⁽¹²⁾.

Nghị quyết 15 được thông qua và phổ biến sau cuộc họp đợt 2 (7-1959), châm ngòi cho cao trào Đồng khởi ở Nam bộ, khởi đầu là Bến Tre.

Sau khi nhận được văn bản Nghị quyết 15, Xứ ủy Nam bộ họp (11-1959), chủ trương phát động đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ, có kết



Nhân dân Bến Tre tiếp tục biểu dương khí thế cách mạng của phong trào Đồng khởi, năm 1960. Ảnh tư liệu

hợp với hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm thiết thực hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, song phải chú trọng kết hợp đúng mức để giữ thế công khai hợp pháp cho phong trào.

Tháng 12-1959, Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam bộ họp tại căn cứ Tam Thường⁽¹³⁾, triển khai Nghị quyết Trung ương 15 và Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam bộ. Hội nghị quyết định phát động nhân dân khởi nghĩa ở xã, ấp với phương châm: nổi dậy đều khắp, không để nổi cộm từng điểm khiến địch có thể tập trung lực lượng đàn áp; vận động quần chúng nhân dân vùng lên đấu tranh nhưng phải giữ thế hợp pháp; hoạt động vũ trang phải khôn khéo, tránh nặng về đấu tranh vũ trang đơn thuần.

Mở đầu cho phong trào Đồng khởi là cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, ngày 17-1-1960, giành thắng lợi. Hơn 20 năm sau, phát biểu tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Bến Tre, tháng 7-1982, Đại tướng Hoàng Văn Thái đã khẳng định: “Phong

trào Đồng khởi ở Bến Tre đã mở đầu cho cuộc tấn công và nổi dậy lần thứ nhất của cách mạng miền Nam, mở đầu cho cuộc khủng hoảng triển miên của chính quyền Mỹ - Diệm”⁽¹⁴⁾.

Phối hợp với Bến Tre, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nhân dân các tỉnh ở Trung Nam bộ, Đông Nam bộ đã đồng loạt đứng lên phá rã hệ thống kim kẹp và chính quyền cơ sở của chế độ Sài Gòn, giành quyền làm chủ, đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm vào thế bị động đối phó.

4. Đồng khởi Bến Tre mở đầu phương thức sử dụng ba mũi giáp công, mở đầu cao trào Đồng khởi ở Nam bộ

Ngày 1-1-1960, Tỉnh ủy Bến Tre mở hội nghị tại ấp Tân Huệ, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày, truyền đạt tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 và chủ trương chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy⁽¹⁵⁾. Hội nghị quyết định chọn 3 xã Bình Khánh, Phước Hiệp và Định Thủy, huyện Mỏ Cày làm điểm, “phát động quần chúng trong đó chú trọng vận động gia

đình binh sĩ nổi dậy phá hệ thống kim kẹp ở xã, ấp, trừng trị bọn tay sai chỉ điểm, bọn ác ôn trong bộ máy tế xã, tế ấp, dân vệ, kết hợp với cơ sở trong lòng địch để bức hàng, bức rút, lấy đồn, giải phóng xã, ấp”⁽¹⁶⁾.

Ngay từ đầu, chủ trương của Tỉnh ủy Bến Tre đã thể hiện rõ quan điểm kết hợp ba lực lượng: chính trị, binh vận và vũ trang, đồng loạt nổi dậy tiến công đánh đổ chính quyền địch ở cơ sở. Trong 2 ngày 17 và 18-1-1960, cuộc nổi dậy ở 3 xã đã giành thắng lợi. Cùng với 3 xã điểm do Tỉnh ủy chỉ đạo, Huyện ủy Mỏ Cày phát động nhân dân các xã Minh Đức, Tân Trung, Cẩm Sơn, Hương Mỹ, Ngãi Đăng... đồng loạt nổi dậy, mở ra một cao trào cách mạng mới, như lời đánh giá của Tổng Bí thư Lê Duẩn: “Cuối năm 1959, tại nhiều nơi ở Nam bộ, quần chúng đã vùng lên diệt ác, phá kim, khiến cho bộ máy tệ ngụy của hàng trăm thôn, xã phải tan vỡ. Đặc biệt, đêm 17-1-1960, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Bến Tre, nhân dân Mỏ Cày đã nổi dậy đồng khởi đồng loạt, mở đầu cho một cao trào mới. Từ đó, làn sóng Đồng khởi như nước vỡ bờ, lan ra toàn tỉnh Bến Tre và khắp các tỉnh ở Nam bộ, Tây Nguyên, Trung Trung bộ...”⁽¹⁷⁾.

5. Đồng khởi Bến Tre là một mô hình sáng tạo về phương pháp cách mạng

Đồng khởi Bến Tre (1960) là sản phẩm trực tiếp từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng Khởi Bến Tre 1960 là mô hình khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, sử dụng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang vừa hình thành ngay trong

quá trình nổi dậy, làm tan rã chính quyền địch, giành quyền làm chủ và thế làm chủ ở cơ sở.

Nét mới ở Bến Tre là mô hình sáng tạo về phương pháp cách mạng, phương thức đấu tranh không chỉ trong thời điểm khởi nghĩa mà được duy trì và phát huy cao độ trong suốt cuộc chiến tranh, khởi đầu dựa vào lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu để lật đổ chính quyền địch, giành quyền làm chủ, phát huy phương thức “hai chân” (hai lực lượng: chính trị và vũ trang), kết hợp chặt chẽ “ba mũi giáp công” (chính trị, vũ trang, binh vận), “từ khởi nghĩa vũ trang ở nông thôn chuyển lên chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân, là một quá trình liên tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi hoàn toàn”⁽¹⁸⁾.

6. Đồng khởi Bến Tre sáng tạo nghệ thuật đấu tranh chính trị

Trong chiến tranh cách mạng ở Việt Nam, bên cạnh nghệ thuật quân sự còn có nghệ thuật đấu tranh chính trị. Đấu tranh chính trị là một hình thức đấu tranh cơ bản, hình thành từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, được sử dụng trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, trong kháng chiến chống Pháp, và trong giai đoạn đấu tranh cho mục tiêu hòa bình, thống nhất nước nhà, trên cơ sở Hiệp định Genève 1954 về lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Đến Đồng khởi 1960, Bến Tre sử dụng lực lượng chính

trị là chủ yếu, sử dụng hình thức đấu tranh chính trị là cơ bản, kết hợp một mức độ với lực lượng vũ trang vừa mới hình thành, còn rất nhỏ bé để tạo thế, tạo lực, làm rung động bộ máy kềm kẹp, giành chính quyền ở cơ sở, nông thôn như một hình khởi nghĩa từng phần.

Trong khi khởi nghĩa từng phần chưa có điều kiện phát triển thành tổng khởi nghĩa như trong Cách mạng Tháng năm 1945, làm thế nào để bảo vệ được thành quả cách mạng là một câu hỏi lớn đặt ra không chỉ với tỉnh Bến Tre, huyện Mỏ Cày mà còn là nỗi băn khoăn lớn của Liên Tỉnh ủy và Xứ ủy. Bến Tre không có lực lượng vũ trang giáo phái hay lực lượng vũ trang mang danh nghĩa giáo phái như một số địa phương Nam bộ. Bến Tre ba bề là sông rạch bao bọc, chia cắt, không có rừng tràm, rừng đước bạt ngàn chớ che để xây dựng căn cứ địa liên hoàn. Làm thế nào để bảo vệ lực lượng, giữ thế hợp pháp, duy trì và phát triển lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị là câu hỏi lớn đặt ra không chỉ với Tỉnh ủy Bến Tre, mà Liên Tỉnh ủy, Xứ ủy đều băn khoăn.

Khi địch điều quân phản kích, từ thực tiễn sáng tạo của địa phương, Bến Tre đã tìm ra lời giải đáp. Giành quyền làm chủ bằng lực lượng chính trị, bảo vệ quyền làm chủ cũng bằng đấu tranh chính trị, trong mức độ kết hợp hợp lý với lực lượng vũ trang và công tác binh vận. Tỉnh ủy Bến Tre chỉ đạo huyện Mỏ Cày điều mũi chính trị đưa lực lượng vào huyện lỵ đấu tranh, tạo thế hợp pháp bảo vệ lực lượng, phát triển phong trào. Trong đoàn quân nhập

thị đấu tranh có nhiều má là mẹ binh sĩ, nhiều chị là chị, là em binh sĩ, là lá chắn thiết thực bảo vệ hiệu quả tính hợp pháp của phong trào. Từ kinh nghiệm Bến Tre mới xuất hiện khái niệm “Đội quân tóc dài”. “Đảng bộ Bến Tre đã tổ chức giáo dục huấn luyện toàn dân Bến Tre thành một đạo quân chính trị to lớn, một đội quân có thể vận dụng các phương thức đấu tranh khác nhau: đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang (bao gồm khởi nghĩa vũ trang và tác chiến du kích) và binh vận, đội quân chính trị đó còn có một binh chủng đặc biệt là đội quân tóc dài”⁽¹⁹⁾.

Nét mới của Đồng khởi Bến Tre là đã nâng đấu tranh chính trị lên thành một phương thức đấu tranh chiến lược trong chiến tranh. Đồng khởi Bến Tre (1960) đi vào lịch sử như một mô hình toàn dân khởi nghĩa hoàn chỉnh ở nông thôn đồng bằng, thúc đẩy toàn Nam bộ nổi dậy chống Mỹ, cứu nước. Những kinh nghiệm chỉ đạo phong trào Đồng khởi Bến Tre đã đóng góp một phần xứng đáng vào nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa từng phần và tổng khởi nghĩa của Đảng.

Bí thư Xứ ủy Nguyễn Văn Linh cho biết, tinh thần chỉ đạo của Trung ương là: nổi dậy rồi thì đưa chính trị, bạo lực thành vũ trang chiến đấu; phải hết sức đưa vũ trang mạnh, nhưng phải duy trì phong trào chính trị, giữ thế hợp pháp để tồn tại lâu dài; nổi dậy từng phần, địch sẽ bình định lại; rồi ta lại phải nổi dậy nữa; càng ngày càng mở rộng nổi dậy bằng cả chính trị và đặc biệt là bằng lực lượng vũ trang. “Muốn như thế phải hết sức duy trì phong trào chính trị và duy

trì thế hợp pháp cho quần chúng²⁰⁾.

Điều bản khoán của Xứ ủy khi đó là làm thế nào đẩy mạnh vũ trang mà không làm cho phong trào đấu tranh chính trị yếu đi, ngược lại, càng đẩy mạnh vũ trang thì phong trào đấu tranh chính trị càng mạnh lên. Điều cốt tử là phải giữ cái thế hợp pháp của quần chúng, nhưng giữ bằng cách nào thì chưa có lời giải đáp.

Kinh nghiệm của Bến Tre là đấu tranh vũ trang mạnh, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị mạnh hơn. Tiến công địch không chỉ bằng vũ trang, bằng bạo lực của quần chúng mà tiến công địch bằng mũi chính trị, kết hợp mũi chính trị với mũi binh vận. Ba xã căn cứ của Tỉnh ủy Bến Tre ở Mỏ Cày đồng khởi nổi dậy mà vẫn giữ được thế hợp pháp của quần chúng, không phải thế thụ động mà là thế hợp pháp tiến công, đưa lên một phong trào chính trị và binh vận tiến công địch mạnh mẽ, song song với mũi tiến công quân sự; cả ba mũi chính trị, quân sự và binh vận phối hợp tiến công địch trong một cuộc đấu tranh, một đợt đấu tranh. “Lúc bấy giờ Xứ ủy chúng tôi rất vui mừng mà nói, bản khoán thì bây giờ Bến Tre đã tìm ra được cái phương thức này đây! Lập tức chúng tôi đem cái kinh nghiệm này phổ biến chỉ đạo cho các nơi áp dụng để làm²¹⁾”.

Sau khi phổ biến kinh nghiệm của Bến Tre mới xuất hiện khái niệm Đồng khởi, mới xuất hiện khái niệm ba mũi giáp công, mới xuất hiện khái niệm sức mạnh tổng hợp. Cũng vì thế mà Bến Tre được xem đích thực là “Quê hương Đồng khởi”.■

CHÚ THÍCH:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.213.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.256.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.262.

4. Nguyễn Minh Đường (2002), *Cuối đời nhìn lại*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang xuất bản, tr.285.

5. Lê Duẩn (1957): điện mật gửi Xứ ủy Nam bộ, Tài liệu “Văn kiện Mật”... (Phòng Nam bộ lưu trữ tại Văn phòng Trung ương Đảng), Hội đồng chỉ đạo Biên soạn *Lịch sử Nam bộ kháng chiến* sưu tầm, tr.43-44.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 19, tr.448.

7. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ chính trị Trung ương Đảng (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước – Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.47.

8. Trịnh Nhu (chủ biên, 2002) *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam, 1954-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.140.

9. Hồ Sơn Đài (chủ biên, 2004), *Lịch sử Bộ chỉ huy Miền*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.56.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 17, tr.783.

11. Nguyễn Minh Đường (2000), *Cuối đời nhìn lại*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang xuất bản, tr.273.

12. Đảng Cộng sản Việt

Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20, tr.82.

13. Huyện Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong, nay là tỉnh Đồng Tháp.

14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930 - 2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.190.

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre (1985), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Bến Tre*, tr.65.

16. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930 - 2000)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.159.

17. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930 - 2000)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.190.

18. Hoàng Văn Thái (1982): Phát biểu của Đại tướng Hoàng Văn Thái tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tỉnh Bến Tre từ ngày 12 đến ngày 17-7-1982. Tài liệu lưu trữ của Tỉnh ủy Bến Tre.

19. Hoàng Văn Thái (1982): Phát biểu của Đại tướng Hoàng Văn Thái tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tỉnh Bến Tre từ ngày 12 đến ngày 17-7-1982. Tài liệu lưu trữ của Tỉnh ủy Bến Tre.

20. Nguyễn Văn Linh (1982): Phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tỉnh Bến Tre từ ngày 12 đến ngày 17-7-1982. Tài liệu lưu trữ của Tỉnh ủy Bến Tre.

21. Nguyễn Văn Linh (1982): Phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tỉnh Bến Tre từ ngày 12 đến ngày 17-7-1982. Tài liệu lưu trữ của Tỉnh ủy Bến Tre.